



ĐÁNH GIÁ VIỆC TUÂN THỦ 17 NGUYÊN TẮC BASEL II VÀO QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG NIÊM YẾT

Phạm Thị Nguyệt Thanh

Dựa trên kết quả phỏng vấn cán bộ chuyên trách của các ngân hàng, kết quả tổng hợp thông tin từ thuyết minh báo cáo tài chính của các ngân hàng niêm yết, bài viết đánh giá thực trạng tuân thủ 17 nguyên tắc quản trị rủi ro tín dụng (RRTD) theo Basel II của sáu ngân hàng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (GDCK) Việt Nam: Á Châu (ACB), Xuất Nhập khẩu (EIB), Sài Gòn Thương Tín (STB), Ngoại thương Việt Nam (VCB), Công thương Việt Nam (CTG), Sài Gòn – Hà Nội (SHB).

Đặt vấn đề

Trong những năm qua, ngành ngân hàng Việt Nam đã có những cải cách đáng kể về mặt chất lượng tín dụng theo hướng thị trường và mở cửa khu vực dịch vụ tài chính – ngân hàng trước yêu cầu phát triển kinh tế và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tuy nhiên vẫn còn một khoảng cách khá xa với thị trường tài chính quốc tế. Nợ xấu của ngành ngân hàng Việt Nam tính đến cuối tháng 6/2011 là 3%, nhưng nếu chiếu theo chuẩn quốc tế thì có thể là 6%; tổng nợ xấu của ngành ngân hàng tính đến tháng 6/2011 vào khoảng 75.000 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước (Thùy Vinh, 2011). Đây là một điều đòi hỏi các ngân hàng phải quan tâm vì nguồn thu từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng rất lớn trong thu nhập của ngân hàng. Do đó, việc đưa vào áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng tại Việt Nam là hết sức cần thiết.

17 nguyên tắc quản trị rủi ro tín dụng theo Basel II

Theo Timothy W.Koch (1995): RRTD là sự thay đổi tiềm ẩn của thu nhập thuần và thị giá của vốn xuất phát từ việc khách hàng

không thanh toán hay thanh toán trễ hạn. Sự gia tăng RRTD tác động tới lợi nhuận và giá trị của ngân hàng. Để hạn chế những tác động tiêu cực của RRTD, ngân hàng phải xây dựng hệ thống quản trị RRTD hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và theo những chuẩn mực chung của thế giới. Ủy ban Giám sát Ngân hàng đã đề ra các 17 nguyên tắc để đánh giá mức độ đầy đủ và hiệu quả của công tác quản trị RRTD trong ngân hàng (Bảng 1).

Thực trạng tuân thủ 17 nguyên tắc quản trị rủi ro theo Basel II

Nguyên tắc 1, 2, 3 - Thiết lập một môi trường RRTD phù hợp: tuân thủ

Nhìn chung sáu ngân hàng đều tuân thủ nhóm nguyên tắc này. Việc kiểm soát và quản lý RRTD được thực hiện tập trung bởi hội đồng tín dụng, ban chính sách và quản lý tín dụng với sự tham gia của HĐQT và ban tổng giám đốc (EIB ban hành Quyết định 182/2009/EIB/QĐ ngày 17/8/2009, VCB ban hành Quyết định 90/QĐ-NHNT.QLTD ngày 26/5/2006...)

Theo khảo sát, các ngân hàng rất quan tâm đến vấn đề RRTD thông qua việc thành lập

Bảng 1: Trích Bảng Cân đối kế toán năm 2008 của Agribank

Nhóm	Nội dung các nguyên tắc
Thiết lập môi trường RRTD phù hợp	1. Xác định nhiệm vụ của hội đồng quản trị (HĐQT) trong quản trị RRTD
	2. Xác định nhiệm vụ của ban giám đốc (BGĐ) trong việc quản trị RRTD
	3. Ngân hàng cần nhận diện và quản lý RRTD trong mọi sản phẩm và hoạt động của mình
Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh	4. Ngân hàng cần hoạt động tín dụng theo các tiêu chuẩn phù hợp với thị trường mục tiêu và sự hiểu biết thấu đáo về khách hàng vay.
	5. Ngân hàng cần phải thiết lập một hạn mức tín dụng tổng thể ở cấp độ từng khách hàng và các nhóm khách hàng có liên quan.
	6,7. Ngân hàng cần thiết lập quy trình tín dụng rõ ràng để phê chuẩn tín dụng mới cũng như điều chỉnh, gia hạn các khoản tín dụng hiện thời.
Duy trì việc cấp tín dụng hiệu quả	8. Ngân hàng phải có hệ thống theo dõi, quản lý thường xuyên các danh mục tín dụng có rủi ro khác nhau.
	9. Ngân hàng phải có hệ thống theo dõi tình trạng các khoản tín dụng cá nhân bao gồm cả các dự trữ và dự phòng.
	10. Ngân hàng được khuyến khích xây dựng và sử dụng hệ thống đánh giá nội bộ để quản trị RRTD.
	11. Ngân hàng phải có hệ thống thông tin và công cụ phân tích giúp ban lãnh đạo đo lường RRTD.
	12. Ngân hàng phải có hệ thống theo dõi tổng thể thành phần và chất lượng tín dụng.
	13. Ngân hàng phải đánh giá những thay đổi quan trọng về điều kiện kinh tế khi đánh giá các khoản tín dụng.
Hệ thống kiểm soát RRTD	14. Ngân hàng phải thiết lập một hệ thống đánh giá độc lập, thường xuyên quy trình quản lý RRTD.
	15. Ngân hàng phải đảm bảo rằng chức năng phê duyệt tín dụng được quản lý thích hợp, RRTD ở mức tương thích với các tiêu chuẩn thận trọng và trong giới hạn mà ngân hàng cho phép.
	16. Ngân hàng cần có hệ thống nhận biết và có thể sớm xử lý với các khoản tín dụng có vấn đề.
Giám sát RRTD	17. Các giám sát viên thực hiện việc đánh giá một cách độc lập các chiến lược, chính sách, quy trình và việc tuân thủ của ngân hàng liên quan đến việc cấp tín dụng và quản trị RRTD.

Nguồn: Tác giả tóm tắt từ BIS (2000)

các bộ phận hỗ trợ, quyết định tín dụng, phân tích đầu vào của công tác tín dụng. Tuy nhiên, khi có những thay đổi về mặt chính sách, điều khoản tín dụng cũng như công tác phê duyệt tín dụng... việc tập huấn cho các cán bộ tín dụng chưa được coi trọng nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động cũng như tính khách quan trong quá trình cấp tín dụng. Tuy nhiên các ngân hàng chưa thực hiện việc nhận diện vào quản lý RRTD theo nguyên tắc 3.

Nguyên tắc 4 - Phê duyệt tín dụng: tuân thủ một phần

Bên cạnh việc kiểm soát và quản lý RRTD, các ngân hàng đã dần nhận diện, phân tích

các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn trong từng sản phẩm. Từ các lĩnh vực cho vay truyền thống đến hiện đại như vay sản xuất kinh doanh, chứng khoán, bất động sản, thẻ tín dụng đều được các ngân hàng xây dựng quy trình xét duyệt cấp tín dụng, kiểm soát rõ ràng bởi các phòng/ban nghiệp vụ thích hợp.

Nhìn chung các ngân hàng đều tìm hiểu khách hàng khá cẩn trọng trước khi ra quyết định tài trợ vốn. Các thông tin thu thập được qua nhiều kênh khác nhau: từ phía khách hàng, Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC), báo chí và từ các mối quan hệ khác. Trên cơ sở nguồn thông tin có được, các ngân hàng sẽ tiến hành phân tích dựa vào hai tiêu chuẩn



là khách hàng và tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc ra quyết định tín dụng.

Tuy nhiên, vẫn còn sự mất cân xứng trong việc thu thập thông tin do lỗi của ngân hàng hoặc khách hàng cố tình lừa đảo nên tại các ngân hàng Việt Nam nói chung và sáu ngân hàng trên nói riêng vẫn thường xảy ra việc cho vay sai mục đích dẫn đến nợ quá hạn, mất khả năng thu hồi vốn. Một điển hình cho trường hợp này là năm ngân hàng trên địa bàn Tp. Cần Thơ cho Công ty An Khang vay số tiền khoảng 305 tỷ đồng; khi doanh nghiệp mất khả năng chi trả, các nhà băng phải “giành nhau” kho hàng rỗng là tài sản thế chấp của con nợ này trong tháng 9/2011 (Lê Chi, 2011).

Nguyên tắc 5 - Hạn mức tín dụng: tuân thủ

Theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành về quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 12, 18 và 20 và Quyết định số 03/2008/QĐ-NHNN (Khoản 1, 2 Điều 4 hết hiệu lực) ngày 01/02/2008, Thông tư 13/2010 ngày 20/5/2010 được bổ sung bởi Thông tư 22/2011/TT-NHNN ngày 30/8/2011, Thông tư 19/2010/TT-NHNN ngày 27/9/2010 có quy định rõ các giới hạn mà các NHTM cần phải thực hiện. Sáu ngân hàng đều tuân thủ tốt các quy định của NHNN ban hành và những quy định điều chỉnh theo tình hình thực tế từng thời kỳ. Tính tuân thủ được thể hiện cụ thể trong chính sách tín dụng của các ngân hàng (VCB ban hành Quyết định 30/QĐ-VCB.CSTD ngày 01/4/2011, EIB ban hành Quyết định 742/2008/EIB ngày 11/7/2008...). Chính sách quy định rõ giới hạn cấp tín dụng từng khách hàng, nhóm khách hàng cũng như những điều khoản chi phối hoạt động tín dụng của ngân hàng trong từng giai đoạn khác nhau. Ngoài ra, các ngân hàng cũng có những quy định cụ thể hơn áp dụng cho những chi nhánh có đặc thù riêng sao cho phù hợp với đặc điểm

hoạt động kinh doanh và tuân thủ những quy định của NHNN.

Nguyên tắc 6,7 - Quy trình tín dụng: tuân thủ một phần

Hiện nay, tại sáu ngân hàng đều xây dựng quy trình tín dụng rất chặt chẽ từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu thanh lý hợp đồng tín dụng. Về mặt chính sách các ngân hàng này đều tuân thủ, tuy nhiên khi áp dụng vào công tác cho vay đã ít nhiều xuất hiện những quy trình ngược. Do áp lực gia tăng dư nợ, tăng trưởng đã làm cho các đơn vị thẩm định tín dụng đơn giản hóa, lược bỏ bớt các “công đoạn” trong quy trình tín dụng làm xuất hiện nhiều rủi ro.

Nguyên tắc 8, 12 - Theo dõi, quản lý tín dụng: tuân thủ một phần

Tại hội sở các ngân hàng đều xây dựng mô hình quản lý RRTD tập trung. Tuy nhiên, thực tế áp dụng mô hình tại chi nhánh thì không đúng quy trình. Do ảnh hưởng của công tác nhân sự, sự chồng chéo, kiêm nhiệm nhiều chức danh của cùng một cán bộ tín dụng đã làm ảnh hưởng nhiều đến tính khách quan khi phê duyệt hồ sơ tín dụng làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Một nhân viên có thể được phân công vừa làm công việc quan hệ khách hàng, vừa thẩm định hồ sơ nên việc theo dõi, quản lý tín dụng cũng gặp khó khăn nhất định. Tại các ngân hàng nghiên cứu thì việc theo dõi quản lý tín dụng được thực hiện chủ yếu tại đơn vị cấp tín dụng. Bộ phận tín dụng có trách nhiệm đôn đốc thu hồi nợ đúng hạn, cũng như đánh giá khách hàng và thực hiện các báo cáo cho các bộ phận có liên quan: phòng quản lý RRTD, hay các bộ phận khác được chỉ định báo cáo. Phòng quản lý RRTD, các bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chỉ thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc theo yêu cầu của HĐQT, tổng giám đốc khi xuất hiện những khoản vay có vấn đề.



Nguyên tắc 9 - Kiểm soát các khoản vay: tuân thủ một phần

Liên quan đến vấn đề này các ngân hàng đều tuân thủ các quy định về phân loại nợ và sử dụng quỹ dự phòng để xử lý RRTD của NHNN. Việc áp dụng các quy định như hiện nay được đánh giá là không còn phù hợp với tình hình Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế (Trần Thị Bình An, 2011). Ngoại trừ VCB phân loại nợ theo Điều 7 (cách phân loại nợ mới), các ngân hàng trong nhóm nghiên cứu đều phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 và được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, ngày 25/4/2007 của NHNN làm cho việc đánh giá cũng như trích lập dự phòng của các ngân hàng còn nhiều bất cập và không thống nhất. Theo NHNN, một văn bản thay thế Quyết định 493 là cần thiết và vì thế việc tiến hành phân loại nợ một cách đồng bộ ở các ngân hàng sẽ còn phải chờ (Thùy Linh, 2011).

Nguyên tắc 10, 13 - Xây dựng và sử dụng hệ thống đánh giá nội bộ: tuân thủ một phần

Hiện nay chỉ có ba ngân hàng tại Việt Nam được NHNN chấp nhận cho phép sử dụng hệ thống xếp hạng tín nhiệm (XHTN) làm cơ sở cho việc phân loại và trích lập dự phòng là VCB, BIDV và Agribank. Còn các ngân hàng như ACB, STB, CTG đã xây dựng hệ thống XHTN nhưng vẫn chưa được công nhận. EIB vừa mới bắt đầu triển khai mô hình này tháng 8/2011. SHB vẫn còn áp dụng cách đánh giá khách hàng theo kiểu truyền thống. Cách đánh giá truyền thống này đã không còn phù hợp trong tình hình hiện nay, vì nó mang tính chủ quan và thường tạo ra nhiều rủi ro cho ngân hàng. Điều này phản ánh qua chất lượng tín dụng không tốt tại các ngân hàng. Trong khi đó, các ngân hàng áp dụng hệ thống XHTN thì xem đây là một công cụ hỗ trợ hiệu quả để đánh giá khách hàng nhằm hạn chế thấp nhất những khoản rủi ro trong quá trình



cấp tín dụng cho khách hàng. VCB áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp năm 2003, cá nhân đầu năm 2007, ACB ứng dụng đầu năm 2008, STB ứng dụng năm 2005 và đang tiếp tục hoàn thiện, CTG ứng dụng năm 2004. Bằng những thông tin thu thập được, cán bộ tín dụng sẽ sử dụng hệ thống xếp hạng nội bộ để xếp hạng, đánh giá khách hàng vay thuộc vào hạng nào theo những tiêu chí đã được quy định trước khi thực hiện những bước tiếp theo của quá trình cấp tín dụng cho khách hàng.

Nguyên tắc 11 - Theo dõi, phân tích rủi ro tín dụng: tuân thủ một phần

Để đảm bảo nguyên tắc này, đòi hỏi các ngân hàng phải có hệ thống thông tin quản lý đủ để đo lường, theo dõi, phân tích và báo cáo RRTD.

Có hệ thống ứng dụng lõi từ năm 2003, EIB không ngừng hoàn thiện, hiện đại hóa chương trình giao dịch, kết nối trực tuyến toàn hệ thống. Sự hiện đại trong công nghệ thông tin góp phần quan trọng vào việc quản lý rủi ro hoạt động cũng như mang lại cho khách hàng dịch vụ tốt hơn. SHB sử dụng phần mềm Smartbank, ACB trực tuyến hóa các giao dịch thông qua hệ quản trị nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ (TCBS - The Complete Banking Solution), STB đã hoàn tất việc nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi T24 hiện đại từ phiên bản R5 lên R8...

Riêng về báo cáo RRTD cho HĐQT, BGD cũng được sáu ngân hàng tuân thủ: hàng tháng phòng quản lý RRTD kết hợp với khối công nghệ thông tin chuẩn bị các báo cáo về các chỉ số tài chính và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN và trình ban tổng giám đốc xét duyệt thông qua.

Nguyên tắc 14, 15 - Hệ thống kiểm soát RRTD: tuân thủ một phần

Các ngân hàng đều thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập tính

hiệu quả của quy trình quản lý RRTD. Phòng Quản lý RRTD tại các ngân hàng có nhiệm vụ tham mưu, xây dựng chính sách chính sách quản lý RRTD theo từng thời kỳ. Tuy nhiên, quy trình quản lý RRTD của các ngân hàng chỉ được xem là có khiếm khuyết khi xuất hiện dấu hiệu nợ quá hạn tại các chi nhánh, phòng giao dịch nào đó trong ngân hàng và khi này ngân hàng mới thừa nhận quy trình quản lý tín dụng chưa chặt chẽ, để phát sinh nhiều rủi ro.

Ngoài ra, nhằm quản lý RRTD phù hợp, các ngân hàng giao thẩm quyền phê duyệt tín dụng cho từng chi nhánh, phòng giao dịch tùy thuộc vào quy mô, cũng như chất lượng hoạt động của từng đơn vị. Tuy nhiên, đối với các đơn vị ngoài trụ sở chính (khác địa bàn) thẩm quyền thường được giao cao hơn nên phần nào cũng phát sinh nhiều rủi ro hơn trong công tác tín dụng.

Nguyên tắc 16 - Nhận biết và xử lý nợ xấu: tuân thủ một phần

Việc nhận biết các khoản nợ có vấn đề tại các ngân hàng hiện nay chủ yếu dựa vào khả năng trả nợ của khách hàng là chính. Tuy nhiên, cách thức kiểm soát sau khi giải ngân hiện nay chưa thật sự hiệu quả. Kiểm tra sử dụng vốn sơ sài, chiếu lệ là cách mà các ngân hàng đang tiến hành. Các nhân viên không thường xuyên liên hệ với khách hàng nên không nắm được tình hình sử dụng vốn vay như thế nào, có đúng mục đích hay không. Các nhân viên chỉ chú ý đến điều kiện vay vốn ban đầu mà chưa đánh giá hết được lợi thế lâu dài của khách hàng này là gì và liệu họ có thể tồn tại trên thương trường hay không khi xuất hiện những yếu tố không thuận lợi.

Khi nợ xấu xảy ra, các ngân hàng tiến hành xử lý thông qua công ty mua bán nợ (Vietinbank thành lập năm 2000, Sacombank, VCB thành lập năm 2002, ACB năm 2004, SHB năm 2008 và EIB năm 2010), thực chất là chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc 17 - Giám sát rủi ro tín dụng: tuân thủ một phần

Các ngân hàng đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ với những quy trình cụ thể cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động quản lý RRTD. Tuy nhiên, các ngân hàng chỉ dừng lại ở khâu kiểm tra định kỳ hoặc theo yêu cầu của BGĐ khi thấy dấu hiệu bất thường xảy ra tại một chi nhánh nào đó mà chưa có những mô hình giám sát cụ thể các khoản cấp tín dụng.

Từ thực trạng nêu trên, tác giả đưa ra những đề xuất nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng

- Áp dụng việc thực hiện quy trình phê duyệt tín dụng hiệu quả: thu thập thông tin khách quan qua nhiều kênh, vận dụng các công cụ hỗ trợ như hệ thống XHTN để đánh giá khách hàng trước khi ra quyết định cho vay hay không.
- Theo dõi các khoản vay thường xuyên, tích cực: phải thường xuyên liên hệ với khách hàng (tốt nhất là tại điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng) nhằm đánh giá khả năng trả nợ cũng như việc sử dụng vốn vay đúng mục đích. Thông qua đó, ngân hàng sẽ đánh giá được tình trạng khoản nợ và có những giải pháp phù hợp.
- Xây dựng mô hình giám sát RRTD đồng nhất trong hệ thống ngân hàng, lập kế

hoạch kiểm tra, đánh giá các khoản cấp tín dụng nhằm đưa ra những cảnh báo cũng như rủi ro tiềm ẩn để các đơn vị có hướng xử lý kịp thời, tránh được tổn thất cho ngân hàng. Tóm lại, bên cạnh việc giảm thiểu rủi ro thì áp dụng Basel II tại Việt Nam đòi hỏi chi phí và điều kiện khá cao, điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng nhỏ và mới thành lập. Tuy nhiên, đây là xu thế và cũng là đòi hỏi tất yếu khi ngành ngân hàng Việt Nam gia nhập sân chơi quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo thường niên, thuyết minh báo cáo tài chính và các quyết định của sáu ngân hàng thương mại cổ phần có đề cập trong bài.
2. Trần Thị Bình An, (2011), Tiến trình xếp hạng tín nhiệm nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng số 65.
3. Timothy W.Koch (1995), Bank Management, University of South Carolina, The Dryden Press.
4. BIS (2000), Principles for the Management of Credit Risk, <http://www.bis.org/publ/bcbs75.pdf>.
5. Lê Chi (2011), 5 ngân hàng giành nhau kho hàng rỗng, <http://www.tinmoi.vn/5-ngan-hang-gianh-nhau-kho-hang-rong-09585589.html>.
6. Thùy Linh (2010), Quy định phạt loại nợ còn nhiều bất cập, <http://vietstock.vn/PrintView.aspx?ArticleID=155412>.
7. Thùy Vinh (2011), TS. Lê Xuân Nghĩa: Nợ xấu của ngành ngân hàng theo chuẩn quốc tế có thể là 6%, <http://www.news.go.vn/tin/177443/TS-Le-Xuan-nghia-No-xau-cua-nganh-NH-theo-chuan-quoc-te-co-the-la-6.htm>.

Danh ngôn Phái mạnh

- Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm - Tục ngữ Anh
- Cái bóng của đàn ông là mặt trời của đàn bà - Shakespeare
- Cái khổ của đàn ông là vợ ghen, cái khổ của đàn bà là chồng vui tính - Jean Jacques Rousseau
- Cái nhược điểm duy nhất của người đàn ông là thích nói ngọt và sợ nước mắt - Vacherot
- Có đức độ trong sự tha thứ của người đàn bà, nhưng có điều xấu trong sự khoan dung của người đàn ông - Alfred Capus
- Có thể đánh lừa đàn ông vào đam mê, nhưng phải có đủ lý lẽ mới có thể đưa họ đến với sự thật - John Dryden
- Đàn ông có đôi mắt để nhìn, đàn bà có đôi mắt để người khác nhìn - Tục ngữ Ru-Ma-Ni
- Đàn ông hung dữ với ai cũng được trừ vợ ra - Alfred De Musset